

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ (2020)

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **DUƠNG HỮU TÔNG**
- Ngày tháng năm sinh: 27/08/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 51G5A, hẻm 51, đường 3/2, phường Xuân Khánh, thành phố Cần Thơ
- Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Dương Hữu Tông, Khoa Sư phạm, trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, đường 3/2, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
Điện thoại di động: 0983095259; E-mail: dhtong@ctu.edu.vn
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ năm 2004 đến năm 2018: Giảng viên, Khoa Sư phạm, trường Đại học Cần Thơ
Từ năm 2018 đến nay: Giảng viên chính, Khoa Sư phạm, trường Đại học Cần Thơ
Chức vụ: Hiện nay: không; Chức vụ cao nhất đã qua: Tổ trưởng chuyên ngành
Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sư phạm, trường Đại học Cần Thơ
Địa chỉ cơ quan: Khu 2, đường 3/2, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
Điện thoại cơ quan: 0292 3830261

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 09 năm 2004, ngành: Sư phạm Toán – Tin học, chuyên ngành: Sư phạm Toán – Tin học. Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 07 năm 2009, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán. Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): trường Đại học Sư phạm, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 07 năm 2015, ngành: Khoa học Giáo dục, chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán. Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Khai thác các phương pháp dạy học tích cực vào dạy học toán ở tiểu học và trung học phổ thông.

- Vận dụng các lý thuyết Didactic Toán (trường phái Pháp) vào dạy học môn Toán.

- Dạy học phát triển năng lực người học trong môn Toán, trong đó bao gồm phát triển tư duy cho người học.

- Nghiên cứu các phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực của học sinh.

- Phát triển chương trình đào tạo, chương trình giáo dục nhà trường; quản lý nhà trường theo định hướng phát triển năng lực người học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 đề tài cấp cơ sở ;
- Đã công bố (số lượng) 47 bài báo KH, trong đó 10 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02, tại Nhà xuất bản trường Đại học Cần Thơ;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2013.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian công tác khoảng 16 năm, tôi đã hoàn thành tốt công việc của Bộ môn, Khoa và nhà trường giao cho bao gồm: học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Trong đó:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.
- Tâm huyết với nghề nghiệp, giữ gìn danh dự, phẩm chất và lương tâm nhà giáo.
- Hoàn thành đúng tiến độ chương trình đào tạo thạc sĩ cũng như tiến sĩ; tự học và kết thúc chương trình đào tạo cử nhân Ngôn Ngữ Anh năm 2016.

- Đảm bảo đủ giờ chuẩn về giảng dạy và nghiên cứu khoa học; không ngừng tự học để phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân với các hoạt động: giảng dạy sinh viên đại học, học viên cao học, và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các giáo viên thuộc các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long (Hậu Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Trà Vinh,...); ý thức được việc xuất bản bài báo khoa trên các tạp chí uy tín là nhiệm vụ quan trọng của giảng viên; động viên, khuyến khích và hợp tác các đồng nghiệp cũng như học viên cao học thể hiện tinh thần nghiên cứu khoa học qua các bài báo khoa học.

- Trên tinh thần trên, tôi đã xuất bản 47 bài báo khoa học có phản biện và 2 giáo trình góp phần tạo ra tài liệu học tập phục vụ đào tạo giáo viên tại trường Đại học Cần Thơ.

- Thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cũng như hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho bản thân và sinh viên.

- Ngoài ra, bản thân cùng với các đồng nghiệp cũng có hợp tác với các trường đại học của Thái Lan và Hàn Quốc, Anh nhằm thúc đẩy hoạt động phát triển chuyên môn của giảng viên, giáo viên, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học và giáo viên mầm non.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 16 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015				12	495	0	495/498.75/280
2	2015-2016				08	556	0	556/547/270
3	2016-2017			03	02	514	135	649/635.6/270
3 năm cuối								
4	2017-2018			03	10	620	135	755/726.75/270
5	2018-2019			2	07	414	120	534/508.8/270
6	2019-2020					300	120	420/463.5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Trường Đại học Cần Thơ cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Ngôn ngữ Anh, số bằng: 1966/ VHVL.16; năm cấp: 2016.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Anh văn

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Hùng Cường		x	x		2018-2019	Đại học Cần Thơ	11/11/2019
2	Lê Thị Giang		x	x		2018-2019	Đại học Cần Thơ	11/11/2019
3	Cao Lê Trúc		x	x		2017-2018	ĐHSP TP HCM	18/03/2019
4	Lê Thanh Điền		x	x		2017-2018	Đại học Cần Thơ	01/11/2018
5	Huỳnh Ngọc Tới		x	x		2016-2017	Đại học Cần Thơ	15/11/2017
6	Nguyễn Thị Lài		x	x		2016-2017	Đại học Cần Thơ	15/11/2017

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Có 02 sách (giáo trình) xuất bản sau khi bảo vệ luận án TS

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Phương pháp dạy học toán 1 giáo dục tiểu học	Giáo trình	NXB Đại học Cần Thơ Năm 2018	3	x	1-47; 49-60; 120-128	Số 4704/ QĐ-ĐHCT; quyết định về việc xuất bản in ấn và xuất bản giáo trình; Số 1145/ĐHCT, 09/06/2020 Giấy xác nhận sử dụng xuất bản phẩm làm giáo trình
2	Lịch sử toán học	Giáo trình	NXB Đại học Cần Thơ	2		135-141	Số 63/ QĐ-NXB ĐHCT; quyết định Xuất bản xuất bản phẩm; Số

			Năm 2015				1144/ĐHCT, 09/06/2020 Giấy xác nhận sử dụng xuất bản phẩm làm giáo trình
--	--	--	----------	--	--	--	---

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

6.1. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Xây dựng các biện pháp sư phạm giúp học sinh lớp 4 khắc phục các sai lầm khi học chủ đề phân số	Chủ nhiệm	T2013-65, trường Đại học Cần Thơ	12 tháng	14/12/2013; Xếp loại: tốt

6.2. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	Sử dụng các lý thuyết Didactic vào dạy học toán cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học	Chủ nhiệm	T2015-88, trường Đại học Cần Thơ	12 tháng	23/08/2016 Xếp loại: khá

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

7.1.1. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ

Trong đó, 10 bài thuộc tạp chí khoa học trong nước. Tác giả chính: 9 bài; đồng tác giả: 1 bài.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Rèn luyện và phát triển tư duy cho học sinh qua dạy học khái niệm toán ở tiểu học	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ			32 7-17	2014
2	Tìm hiểu sai lầm của học sinh khi học chủ đề phân số thông qua một thực nghiệm sư phạm	1	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ			25 8-17	2013
3	Hoạt động giải các bài toán: Quan niệm, vận dụng và một số định hướng sử dụng	1	x	Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM			42 84-92	2013
4	Sử dụng phép tương tự trong dạy học chủ đề phân số ở tiểu học	1	x	Tạp chí Giáo dục			319 Kì 1 10-2013 53-54; 47	2013

5	Dự đoán và giải thích nguyên nhân sai lầm của học sinh khi học chủ đề phân số dưới ngôn ngữ của Didactic toán	1	x	Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM			37 130-139	2012
6	Vận dụng hoạt động giải các bài toán vào dạy học chủ đề phân số ở tiểu học	1	x	Tạp chí Giáo dục			292 Kì 2 8-2012 42-43; 55	2012
7	Các cách tiếp cận phân số trong lịch sử và sách giáo khoa toán ở tiểu học	1	x	Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM			34 68-73	2012
8	Khả năng vận dụng “nghĩa” của số tự nhiên của học sinh tiểu học vào giải quyết các vấn đề có tính thực tiễn: một thực nghiệm với trò chơi sự phạm	1	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ			17b 6-15	2011
9	Các cách tiếp cận của khái niệm số tự nhiên trong lịch sử và sách giáo khoa toán lớp 1	1	x	Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM			27 142-149	2011
10	Mô hình cơ bản dùng cho dạy học định lý toán học	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Thái Nguyên			54/6 19-24	2009

7.1.2. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ

Trong đó, tổng cộng 37 bài, bao gồm:

- Tạp chí thuộc danh mục Scopus: tác giả chính: 7 bài; đồng tác giả: 3 bài.
- Tạp chí khoa học quốc tế có phản biện: tác giả chính: 5 bài; đồng tác giả: 7 bài.

- Tạp chí khoa học trong nước (tiếng Anh): tác giả chính: 1 bài.

- Tạp chí khoa học trong nước (tiếng Việt): tác giả chính: 11 bài; đồng tác giả: 3 bài.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
11	Verification and Control of Solving Pseudo-Real Problems Related to the Systems of Equations		x	Universal Journal of Educational Research	Scopus Q4		8/8	Được chấp nhận đăng ngày 17/06/2020
12	A Teaching Process of Fostering Students' Problem-solving Skills: A Case Study of Teaching the Equation of a Line	4	x	Universal Journal of Educational Research	Scopus Q4		8/5 1741-1751	2020
13	A Case Study Of Developing Students' Problem-Solving Skills Through Addressing Real-World Problems Related To Fractions In Primary Schools	4;	x	International Journal of Scientific and Technology Research	Scopus Q3		9/2 2809-2818	2020
14	Teachers' Opinions about Using Multiple-choice Questions in the National Examination of Mathematics: A Survey in Vietnam	7		Universal Journal of Educational Research	Scopus Q4		8/3 809-814	2020
15	Enhancing Creative and Critical Thinking Skills of Students in Mathematics	4	x	Universal Journal of Educational Research	Scopus Q4		8/2 477-489	2020

	Classrooms: An Experimental Study of Teaching the Inequality in High Schools							
16	Students' Opinions on Vocational Guidance: A Case Study	6		European Journal of Education Studies			6/10 143-150	2020
17	Factors Affecting The Academic Results Of Master Students In Mathematics Education At Can Tho University, Vietnam: A Survey Study	6		European Journal of Education Studies			6/12 84-91	2020
18	Applying Experiential Learning to Teaching the Equation of a Circle: A Case Study	4	x	European Journal of Educational Research	Scopus Q3		9/1 239-255	2019
19	Developing the Competency of Mathematical Modelling: A Case Study of Teaching the Cosine and Sine Theorems	4	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research	Scopus Q4	1 Google Scholar	18/11 18-37	2019
20	Integrating the History of Mathematics into Mathematics Education: A Case Study of Teaching the Quadratic Equations	4	x	Universal Journal of Educational Research	Scopus Q4		7/11 2454-2462	2019
21	Students' Social Networking: Current Status And Impact	7		International Journal of Scientific and Technology Research	Scopus Q3		8/12 3602-3605	2019

22	Using the Information Processing Theory into Teaching Mathematics: A Case Study of “Vector” Concept	3		International Journal of Scientific and Technology Research	Scopus Q3		8/9 1612-1616	2019
23	Solving a mathematical problem in different ways: A case of calculating the distance from a point to a plane	4	x	Can Tho University Journal of Science			54/8 54-62	2018
24	Making An Educational Game To Teach Primary School Students The Meaning Of Natural Numbers	1	x	European Journal of Education Studies			3/9 23-32	2017
25	Identifying the concept “fraction” of primary school students: The investigation in Vietnam	3		Educational Research and Reviews		14 Google Scholar	12/8 531-539	2017
26	The Investigation of Primary School Students’ Ability to Identify Quadrilaterals: A Case of Rectangle and Square	3		The International Journal Of Engineering And Science (IJES)			6/3 93-99	2017
27	Students’ Errors In Solving Mathematical Word Problems And Their Ability In Identifying Errors In Wrong Solutions	2	x	European Journal of Education Studies		19 Google Scholar	3/6 226-241	2017
28	A Survey Of Students’ Ability Of Identifying Errors In Wrong Solutions For The	5	x	European Journal of			3/10 270-283	2017

	Mathematical Problems Related To The Monotonicity Of Functions			Education Studies				
29	A Survey Of The Errors Of Students In Grades 10 And 12 When Using Vieta's Formulas To Solve The Associated Mathematical Problems	4	x	European Journal of Education Studies			3/11 291-305	2017
30	An Investigation of Errors Related to Solving Problems on Percentages	1	x	The International Journal Of Engineering And Science (IJES)			6/3 05-09	2017
31	The Investigation of The Problem-solving Capacity of Primary School Students: A Case Study	3		Scholars Bulletin			2/11 609-612	2016
32	Different Solutions to a Mathematical Problem: A Case Study of Calculus 12	3		The International Journal Of Engineering And Science (IJES)		1 Google Scholar	5/8 40-44	2016
33	Problem-Solving Capacity of Students: A Study of Solving Problems in Different Ways	2		The International Journal Of Engineering And Science (IJES)		02 Google Scholar	5/9 60-63	2016
34	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học toán ở trường trung học cơ sở	2		Tạp chí Giáo dục			Số đặc biệt kì 1 tháng 5/2019	2019

							53-57	
35	Dạy học khám phá định lý toán học bằng suy luận tương tự ở trường trung học phổ thông	2		Tạp chí Giáo dục			Số đặc biệt kì 1 tháng 5/2019 76-79	2019
36	Nghiên cứu sai lầm của học sinh khi tính đạo hàm của hàm số tại một điểm theo cách tiếp cận Didactic	9	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM			15/1 48-59	2018
37	Giải thích sai lầm của học sinh theo “hợp đồng dạy học”, trường hợp tìm hiểu phương trình đường thẳng trong mặt phẳng	8	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp			Số 32 (6-2018) 22-27	2018
38	Phân tích thực hành dạy học của giáo viên qua tiết dạy thể tích khối tròn xoay	3	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM			14/7 32-46	2017
39	Một số biện pháp giúp học sinh khắc phục các sai lầm khi học chủ đề tính đơn điệu của hàm số	3	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục; Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam			Số 147 (12/2017) 62-67	2017
40	Phân tích thực hành dạy học của giáo viên: trường hợp lập phương trình của đường tròn	8	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp			Số 29 (12-2017) 19-24	2017

41	Quy trình dạy học khám phá khái niệm toán học với suy luận tương tự	2		Tạp chí Giáo dục và Xã hội			73/134 4-2017 35-38; 54	2017
42	Dạy học bằng mô hình hóa toán học: một chiến lược dạy học khái niệm logarit ở trường phổ thông	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ			46 (2016) 62-72	2016
43	Tổ chức cho học sinh lớp 12 tiếp cận bài toán phỏng thực tiễn về ứng dụng tích phân để tính thể tích các khối tròn xoay	2	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSPTP HCM			10/88 44-59	2016
44	Tổ chức cho học sinh lớp 4 tiếp cận phân số dựa trên “số phần / toàn thể” thông qua hoạt động giải bài toán	1	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ			43 (2016) 93-102	2016
45	Vận dụng mô hình dạy biệt vào dạy học khái niệm Toán học ở tiểu học	1	x	Tạp chí Giáo dục và Xã hội			67/128 10-2016 27-29	2016
46	Tìm hiểu nhận thức của học sinh về khái niệm phân số thông qua một thực nghiệm sư phạm	1	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ			39 (2015) 16-22	2015
47	Một số biện pháp giúp học sinh khắc phục các sai lầm khi học chủ đề phân số	1	x	Tạp chí Giáo dục và Xã hội			53/114 8-2015 9-11; 42	2015

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 07

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục Tiểu học và cao học ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán tại trường Đại học Cần Thơ qua nhiều năm.

- Tham gia thẩm định chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học tại ĐHSP TP Hồ Chí Minh, Đại học An Giang.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: -

Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

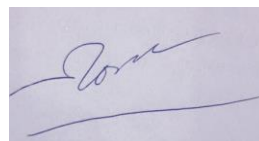
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Dương Hữu Tông